

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26/4/2018

V/v ly hôn và chia tài sản chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Trường Lâm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Trần Văn Phước**

Ông **Danh Hưởng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Chi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Loan** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2018/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 về việc việc **“*Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung*”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 giữa:

- *Nguyên đơn:* chị **Phan Thị N** – sinh năm 1999

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* anh **Nguyễn Trung H** – sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà **Trần Thị Bạch B** – sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp Hành Chính, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Chị N, anh H, bà B vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phan Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị N và anh H được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương vào ngày 08-09/6/2017 âm lịch, hôn nhân tự nguyện, nhưng từ sau khi sống chung đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Cuộc sống chung không hạnh phúc, cả hai không hiểu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, tối ngày 09/12/2017 âm lịch, anh H đi nhậu say về nhà thì không biết lý do gì nói nặng lời và dùng tay đánh vào mặt chị N khoảng 08 -09 cái, tuy nhiên

không có thương tích. Qua ngày hôm sau, chị N về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân với anh H đến nay. Do đó chị N yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: chị N xác định đang mang thai tháng thứ 8 đưa con chung đầu tiên giữa chị N với anh H, khoảng 20 ngày nữa chị N mới sinh con. Khi ly hôn, do con chung chưa ra đời nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Sau này, chị N sinh con xong sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Về tài sản chung: tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2018, chị N yêu cầu bà Trần Thị Bạch B trả lại 11 chỉ vàng 24k để chị N và anh H chia đôi. Đến ngày 21/3/2018, chị N xác định bà B đã trả lại số vàng cho chị và anh H, do đó chị N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B trả vàng cũng như không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung giữa chị N và anh H.

Bị đơn anh Nguyễn Trung H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh H thống nhất lời trình bày của chị N về thời điểm sống chung và ngày ly thân, thống nhất không có đăng ký kết hôn. Do cuộc sống chung tồn tại nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh H đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: thống nhất lời trình bày của chị N và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: anh H thống nhất với chị N không yêu cầu giải quyết. Anh H không có yêu cầu phản tố.

Chị N và anh H thống nhất không có nợ chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Bạch B trình bày: bà đã trả đủ số vàng mà anh H và chị N gửi bà giữ. Bà B đồng ý việc chị N rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu bà trả 11 chỉ vàng 24k. Bà B không có yêu cầu độc lập.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: chị N và anh H tự nguyện sống chung nhưng không có đăng ký kết hôn; do đó, hôn nhân giữa chị N và anh H là chưa hợp pháp không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị N và anh H thống nhất ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2018, không công nhận chị N và anh H là vợ chồng.

Về con chung do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2018, chị N yêu cầu bà B trả lại 11 chỉ vàng 24k để vợ chồng chia đôi. Ngày 21/3/2018, chị N rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung, việc rút đơn của chị N là tự nguyện, không bị ai ép buộc nên được ghi nhận, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị N đối với 11 chỉ vàng 24k.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị N yêu cầu ly hôn và anh H, bị đơn có địa chỉ thường trú tại huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N, anh H, bà B có yêu cầu xét xử vắng mặt; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh H, bà B là phù hợp quy định tại Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hội đồng xét xử xét thấy, chị N và anh H tự nguyện sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân giữa chị N và anh H là không hợp pháp, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị N và anh H đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận chị N và anh H là vợ chồng, hậu quả của việc chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn được giải quyết theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 là “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*”.

[3] Về con chung: chị N xác định đang mang thai tháng thứ 8 đưa con chung đầu tiên giữa chị N với anh H, khoảng 20 ngày nữa chị N mới sinh con. Khi ly hôn, do con chung chưa ra đời nên chị N và anh H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2018, chị N yêu cầu bà B trả lại 11 chỉ vàng 24k để vợ chồng chia đôi, đến ngày 21/3/2018, chị N rút yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bà B trả 11 chỉ vàng 24k và không yêu cầu giải quyết đối với tài sản chung. Anh H và bà B đồng ý việc chị N rút yêu cầu khởi kiện về tài sản chung. Xét thấy, chị N rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử. đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị N và anh H thống nhất không yêu cầu về tài sản chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình chị N phải nộp 300.000đ, chị N đã dự nộp tạm ứng 792.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011544 ngày 01/3/2018 được chuyển thu án phí 300.000đ, chị N được hoàn nhận lại 492.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218, Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Phan Thị N và anh Nguyễn Trung H là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: đương sự không yêu cầu do đó không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: đình chỉ xét xử do chị Phan Thị N rút yêu cầu về việc đòi bà Trần Thị Bạch B trả 11 chỉ vàng 24k. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: chị Phan Thị N phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 300.000đ; chị N đã dự nộp tạm ứng 792.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011544 ngày 01/3/2018 được chuyển thu án phí 300.000đ và được hoàn nhận lại 492.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Các đương sự khác không phải nộp án phí.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

Lư Trường Lâm